

TỔNG QUAN VỀ THỦ TỤC XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Theo truyền thống của người Việt Nam thì trẻ em có vai trò đặc biệt quan trọng đối với gia đình và xã hội. Chính vì vậy, các nhà nước phong kiến đã đề ra những quy định bằng pháp luật để bảo vệ trẻ em; nhân dân cũng tự hình thành các quan hệ đạo đức nhằm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Ngay từ khi Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, Đảng và Nhà nước ta đã dành sự quan tâm đặc biệt đối với trẻ em. Với quan điểm nhất quán trong việc bảo vệ trẻ em, Nhà nước Việt Nam tham gia Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 và đã thúc đẩy việc hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ quyền trẻ em, trong đó đã dành sự quan tâm đặc biệt cho đối tượng trẻ em vi phạm pháp luật, nhất là những trường hợp người chưa thành niên phạm tội.

Bên cạnh những tư tưởng chỉ đạo về bảo vệ quyền trẻ em trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam luôn thể hiện một cách thống nhất quán. Cùng với đó, quan điểm quan điểm nguyên tắc xử lý trách nhiệm hình sự (TNHS) với người phạm tội chưa thành niên được quy định trong BLHS, BLTTHS Việt Nam cũng có những quy định, nguyên tắc riêng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên. Các quy định về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội quy định trong BLTTHS 2004 dựa trên cơ sở phân tích về tâm, sinh lý đối với người chưa thành niên.

Đây là đối tượng chưa phát triển đầy đủ về thể chất cũng như về tâm, sinh lý, họ bị hạn chế về trình độ nhận thức cũng như về kinh nghiệm sống, thiếu những điều kiện về bản lĩnh tự lập, khả năng tự kiểm chế chưa cao nên họ dễ bị kích động, dễ bị lôi kéo để thực hiện các hành vi phạm tội. Mục đích của việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những đối tượng này chủ yếu là nhằm giúp đỡ, cải tạo, giáo dục để họ nhận ra sai lầm từ đó sửa chữa những sai lầm của mình, tạo điều kiện để các em có khả năng tái hòa nhập cộng đồng.

1. Khái niệm thủ tục xét xử vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên

1.1. Khái niệm bị cáo là người chưa thành niên.

Người chưa thành niên theo từ điển tiếng Việt được định nghĩa như sau: "Người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ, toàn diện về thể lực, trí tuệ, tinh thần cũng như chưa có đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân". Theo quy định tại Điều 1 Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1990 thì "Trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó có quy định tuổi thành niên sớm hơn". Bên cạnh Công ước về quyền trẻ em thì Quy tắc tối thiểu phổ biến của Liên Hợp Quốc về việc áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên (Quy tắc Bắc Kinh) do Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 14.12.1992 cũng là một văn bản pháp luật quốc tế quan trọng đề cập đến khái niệm "người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi" như là một sự kế thừa của Công ước về Quyền trẻ em. Quy tắc Riát về phòng ngừa phạm pháp ở người chưa thành niên được Liên Hợp Quốc thông qua ngày 14.12.1990 mặc dù không đưa ra một cách cụ thể về khái niệm người chưa thành niên, song thông qua các quy định cũng giúp chúng ta hiểu người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, do sự phát triển của từng quốc gia khác nhau, nên khái niệm người chưa thành niên ở các quốc gia cũng khác nhau, bên cạnh việc đưa ra khái niệm này thì Công ước về Quyền trẻ em vẫn còn những điều khoản đề nghị cho các nước quy định về độ tuổi cho người chưa thành niên, thậm chí ngay trong một quốc gia các văn bản pháp luật cũng quy định không thống nhất về vấn đề này.

Theo pháp luật Việt Nam, từ những kinh nghiệm được thừa nhận trong quá khứ, dựa trên những thành tựu do các ngành khoa học khác mang lại cũng như tiếp thu các văn bản pháp luật quốc tế mà các nhà làm luật đã đưa ra khái niệm về người chưa thành niên, tùy theo từng lĩnh vực điều chỉnh của từng ngành luật, như sau: Điều 18 Bộ luật dân sự Việt Nam quy định: "Người từ đủ mười tám tuổi trở lên là người thành niên. Người chưa đủ mười tám tuổi là người chưa thành niên" và Bộ luật lao động Việt Nam cũng quy định: "Người lao động chưa thành niên là người dưới 18 tuổi". Như vậy, có thể thống nhất một quan điểm là người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi. Quan niệm này cũng hoàn toàn phù hợp với Công ước quốc tế về quyền trẻ em ngày 20.2.1990 mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Theo quy định của Bộ luật hình sự thì người chưa thành niên là những người chưa đủ 18 tuổi, nhưng chỉ những người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi mới phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội, còn người chưa thành niên dưới 14 tuổi thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong đó, người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, còn người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm (Điều 12 của Bộ luật hình sự).

Vấn đề đặt ra là tại sao pháp luật hình sự lại quy định người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự và người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về một số tội phạm nhất định? Quy định này của Bộ luật hình sự về mặt lý luận có thể hiểu, người chưa đủ 14 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ gây ra vì người chưa đủ 14 tuổi, trí tuệ chưa phát triển đầy đủ nên chưa nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội về hành vi của mình, chưa đủ khả năng tự chủ khi hành động nên họ không bị coi là có lỗi về hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ thực hiện. Một hành vi được coi là không có lỗi cũng tức là không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên họ không phải chịu trách nhiệm hình sự (loại trừ trách nhiệm hình sự). Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi được coi là người chưa có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ.

Do đó, họ cũng chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về một số tội phạm (rất nghiêm trọng do cố ý hoặc đặc biệt nghiêm trọng) chứ không phải chịu trách nhiệm hình sự về tất cả các tội phạm, quy định này cũng thể hiện chính sách nhân đạo trong pháp luật hình sự của Đảng và Nhà nước ta. Điều 50 Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành quy định bị cáo là người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử, như vậy, căn cứ vào quy định này và quy định tại Điều 12 của Bộ luật hình sự về tuổi chịu trách nhiệm hình sự nêu trên, thì có thể hiểu bị cáo là người chưa thành niên là người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi ở thời điểm đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử.

Từ phân tích trên có thể đưa ra định nghĩa về bị cáo là người chưa thành niên như sau: Bị cáo là người chưa thành niên là người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự quy định là tội phạm bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử. Việc xác định tuổi của bị cáo là người chưa thành niên rất quan trọng vì đây là căn cứ ngăn chặn, áp dụng các thủ tục

đặc biệt đối với bị cáo nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người chưa thành niên. Việc xác định tuổi của bị cáo còn giúp Cơ quan tiến hành tố tụng xác định được việc xét xử và áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên.

1.2. Khái niệm thủ tục xét xử vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên

Như đã nêu trên, người chưa thành niên là người đang ở lứa tuổi mà khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị hạn chế và nhiều khi do bị tác động mạnh của điều kiện bên ngoài. Chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với người chưa thành niên chủ yếu là nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm để phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng luôn luôn coi trẻ em là đối tượng đặc biệt cần được bảo vệ không chỉ trong cuộc sống hàng ngày mà ngay cả khi quyền trẻ em bị xâm phạm cần được bảo vệ hoặc khi đối tượng này vi phạm pháp luật. Luật hình sự bảo vệ người chưa thành niên bị coi là người phạm tội và cũng quy định một chế tài riêng để xử lý, thủ tục tố tụng cũng phải phù hợp với lứa tuổi chưa thành niên nhằm thể hiện tính nhân đạo trong chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Vì vậy, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã có một chương riêng (Chương XXXII) quy định về thủ tục tố tụng đối với vụ án mà người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên. Tuy nhiên, trong Điều 301 quy định về phạm vi áp dụng "Thủ tục đối với người chưa thành niên", nhà làm luật Việt Nam không hề ghi nhận khái niệm pháp lý "thủ tục đối với người chưa thành niên" là gì? Qua nghiên cứu các quy định về thủ tục đối với người chưa thành niên trong chương này, chúng ta có thể hiểu: Các quy định về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên có những đặc trưng so với thủ tục tố tụng áp dụng đối với người thành niên. Những đặc trưng này thể hiện ở các quy định về tiêu chuẩn của người tiến hành tố tụng, về đối tượng phải chứng minh, về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, về việc bào chữa, việc tham gia của gia đình, nhà trường và tổ chức xã hội vào tố tụng cũng như công tác xét xử và thi hành án. Bộ luật tố tụng hình sự cũng quy định các quyền tố tụng và bảo đảm cho việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án được khách quan, toàn diện, đúng pháp luật đối với đối tượng này.

Như vậy, thủ tục xét xử vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam là tổng hợp các quy định về thủ tục đặc biệt mang tính chất nhân đạo đối với bị cáo là người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi

đến dưới 18 tuổi nhằm xét xử vụ án một cách khách quan, toàn diện và đúng pháp luật, đồng thời bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo trong hoạt động xét xử.

2. Những quy định chung về thủ tục xét xử đối với người chưa thành niên

2.1. Phạm vi áp dụng thủ tục xét xử đối với người chưa thành niên

Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự thì quan hệ pháp luật tố tụng hình sự phát sinh từ khi một người bị bắt, bị tạm giữ về hình sự. Đối với người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt, bị tạm giữ, bị khởi tố, truy tố và xét xử là người chưa thành niên thì xuất phát từ nhận thức người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, khả năng nhận thức về hành vi còn hạn chế, dễ bị tác động bởi những điều kiện ngoại cảnh, Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003 đã dành một chương (chương XXXII) quy định về thủ tục đặc biệt đối với người chưa thành niên. Phạm vi áp dụng của Chương này được thể hiện tại Điều 301 Bộ luật tố tụng hình sự như sau: "Thủ tục tố tụng đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên được áp dụng theo quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định khác của Bộ luật này không trái với những quy định của Chương này".

Như vậy, có thể hiểu phạm vi áp dụng thủ tục xét xử đối với bị cáo là người chưa thành niên bao gồm các quy định tại Chương XXXII Bộ luật tố tụng hình sự (từ Điều 302 đến Điều 310) và tất cả những quy định khác của Bộ luật tố tụng hình sự nếu không trái với những quy định của chương này. Việc quy định phạm vi áp dụng như vậy để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo là người chưa thành niên.

2.2. Những vấn đề cần xác định rõ trong vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên

Khi tiến hành xét xử với những vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên, ngoài những vấn đề bắt buộc phải chứng minh đối với các vụ án hình sự nói chung, thì theo quy định tại khoản 2 Điều 302 của Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án cần phải xác định rõ các vấn đề sau đây: Tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người chưa thành niên: Việc xác định tuổi của bị cáo là người chưa thành niên đặc biệt quan trọng vì đây là căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự của người phạm tội cũng như việc xác định trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành

vi phạm tội giúp cho người tiến hành tố tụng có thể đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của người chưa thành niên gây ra để có thể áp dụng biện pháp tư pháp hay hình phạt thích hợp, bảo đảm chế độ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Điều kiện sinh sống và giáo dục: Hành vi phạm tội của người chưa thành niên thường bắt nguồn từ điều kiện sống và giáo dục trong gia đình, nhà trường và xã hội. Cho nên, làm rõ yếu tố này cũng xác định khả năng cải tạo và giáo dục người chưa thành niên phạm tội, đồng thời cũng có thể giúp cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội để có thể đưa ra các biện pháp phòng ngừa thích hợp đối với người phạm tội nói chung và người chưa thành niên phạm tội nói riêng.

Khoa học đã chứng minh con người chịu sự ảnh hưởng tác động qua lại của môi trường xung quanh, hành vi phạm tội không phải ngẫu nhiên hình thành, nó phát sinh không phải từ chính môi trường, chính bản thân người đó mà là do sự tác động qua lại giữa môi trường và cá nhân con người đó. Đối với người chưa thành niên ảnh hưởng của môi trường xung quanh càng thể hiện rõ hơn, đó là: điều kiện sinh sống của gia đình, thái độ, cách ứng xử của cha mẹ, những người thân trong gia đình; điều kiện học tập và sinh hoạt của họ ở nhà trường, đoàn thể, nơi cư trú. Có hay không có người đã thành niên xúi giục: Việc xác định có hay không có người thành niên xúi giục cũng như nguyên nhân và điều kiện phạm tội là những vấn đề quan trọng, làm cơ sở cho việc đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà người chưa thành niên đã thực hiện, từ đó đề ra những biện pháp hữu hiệu ngăn chặn tái phạm. Nguyên nhân và điều kiện phạm tội: Việc người chưa thành niên phạm tội là một hiện tượng đang tồn tại trong xã hội. Hiện tượng này không phải ngẫu nhiên xuất hiện mà bao giờ cũng có nguyên nhân và điều kiện dẫn đến nó. Chúng ta muốn đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm do người chưa thành niên thực hiện và đề ra được những biện pháp khắc phục và ngăn ngừa có hiệu quả thì phải tìm hiểu nguyên nhân và điều kiện dẫn họ đến việc phạm tội.

2.3. áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo là người chưa thành niên

Các biện pháp ngăn chặn được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự bao gồm bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Tùy theo tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi

phạm tội, nhân thân của bị can, bị cáo, các biện pháp ngăn chặn này có thể được áp dụng đối với cả trường hợp người phạm tội là người thành niên và trường hợp người phạm tội là người chưa thành niên ở các giai đoạn tố tụng nhằm bảo đảm cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Tuy nhiên, pháp luật về tố tụng hình sự cũng có những quy định đặc biệt để áp dụng biện pháp ngăn chặn trong trường hợp bị can, bị cáo là người chưa thành niên. Đối với các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam

Ngoài những yêu cầu chung quy định tại các điều 80, 81, 82, 86, 88 và 120 của Bộ luật tố tụng hình sự, theo quy định tại Điều 303 của Bộ luật tố tụng hình sự và những quy định có liên quan thì việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người chưa thành niên được thực hiện như sau: Biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, chỉ có thể được áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi trong trường hợp họ phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, bắt, tạm giữ, tạm giam chỉ có thể được áp dụng trong trường hợp họ phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. So sánh với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 trước đây, Điều 303 của Bộ luật tố tụng hình sự đã quy định bổ sung khoản 3, trong đó quy định rõ trách nhiệm của cơ quan ra lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam người chưa thành niên phải thông báo cho gia đình, người đại diện hợp pháp của họ biết ngay sau khi bắt, tạm giữ, tạm giam tạo điều kiện cho họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Bộ luật tố tụng hình sự cho phép để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên. Người chưa thành niên phải được giam, giữ ở khu vực riêng; không được giam, giữ người chưa thành niên chung với người thành niên.

Về việc giám sát bị cáo là người chưa thành niên.

Theo quy định tại Điều 304 Bộ luật tố tụng hình sự thì nếu xét thấy việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên là không cần thiết, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án có thể ra quyết định giao bị can, bị cáo chưa thành niên cho cha mẹ, người đỡ đầu của họ giám sát để bảo đảm sự có mặt của bị can, bị cáo khi có giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng. Những người được giao nhiệm vụ giám sát có nghĩa vụ giám sát chặt chẽ người chưa thành niên, theo dõi tư cách, đạo đức và giáo dục người đó. Hiện nay, không có văn bản pháp luật nào hướng dẫn về việc cha mẹ, người đỡ đầu có quyền từ chối không thực hiện nghĩa vụ giám sát của mình khi được yêu cầu, mặt khác theo

quy định của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì cha mẹ, ông bà, các thành viên lớn tuổi khác trong gia đình và người đỡ đầu có trách nhiệm về việc chăm sóc, nuôi dạy người chưa thành niên, cho nên họ phải có nghĩa vụ giám sát, giáo dục, chăm sóc người chưa thành niên.

Như vậy, trong mọi trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu thì việc giám sát bị can, bị cáo chưa thành niên phải được cha mẹ, người đỡ đầu của họ thực hiện. Hay nói một cách khác, việc giám sát bị can, bị cáo chưa thành niên vừa là quyền vừa là nghĩa vụ bắt buộc của cha mẹ, người đỡ đầu của họ. Quy định này khác hẳn quy định tại Điều 75 Bộ luật tố tụng hình sự về biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đối với bị can, bị cáo chưa thành niên, thủ tục bảo lãnh chỉ được đặt ra đối với bị can, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng và phải có cá nhân, tổ chức nhận bảo lãnh. Việc cá nhân, tổ chức nhận bảo lãnh là do họ hoàn toàn tự nguyện, các cơ quan tiến hành tố tụng không thể bắt buộc họ được.

2.4. Việc điều tra, truy tố và xét xử những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên

Thủ tục về những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên là thủ tục đặc biệt được quy định tại Chương XXXII, Phần thứ bảy Bộ luật tố tụng hình sự. Những thủ tục này gồm: Điều tra, truy tố, xét xử; bắt, tạm giữ, tạm giam; giám sát bị can, bị cáo; bào chữa; việc tham gia tố tụng của gia đình, nhà trường và tổ chức xã hội; xét xử; chấp hành án phạt tù; chấm dứt việc chấp hành biện pháp tư pháp và giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án. thành viên lớn tuổi khác trong gia đình và người đỡ đầu có trách nhiệm về việc chăm sóc, nuôi dạy người chưa thành niên, cho nên họ phải có nghĩa vụ giám sát, giáo dục, chăm sóc người chưa thành niên. Như vậy, trong mọi trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu thì việc giám sát bị can, bị cáo chưa thành niên phải được cha mẹ, người đỡ đầu của họ thực hiện. Nói một cách khác, việc giám sát bị can, bị cáo chưa thành niên vừa là quyền vừa là nghĩa vụ bắt buộc của cha mẹ, người đỡ đầu của họ. Quy định này khác hẳn quy định tại Điều 75 Bộ luật tố tụng hình sự về biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đối với bị can, bị cáo chưa thành niên, thủ tục bảo lãnh chỉ được đặt ra đối với bị can, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng và phải có cá nhân, tổ chức nhận bảo lãnh. Việc cá nhân, tổ

chức nhận bảo lãnh là do họ hoàn toàn tự nguyện, các cơ quan tiến hành tố tụng không thể bắt buộc họ được.

2.4. Việc điều tra, truy tố và xét xử những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên

Thủ tục về những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên là thủ tục đặc biệt được quy định tại Chương XXXII, Phần thứ bảy Bộ luật tố tụng hình sự. Những thủ tục này gồm: Điều tra, truy tố, xét xử; bắt, tạm giữ, tạm giam; giám sát bị can, bị cáo; bào chữa; việc tham gia tố tụng của gia đình, nhà trường và tổ chức xã hội; xét xử; chấp hành án phạt tù; chấm dứt việc chấp hành biện pháp tư pháp và giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án thành viên lớn tuổi khác trong gia đình và người đỡ đầu có trách nhiệm về việc chăm sóc, nuôi dạy người chưa thành niên, cho nên họ phải có nghĩa vụ giám sát, giáo dục, chăm sóc người chưa thành niên.

Như vậy, trong mọi trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu thì việc giám sát bị can, bị cáo chưa thành niên phải được cha mẹ, người đỡ đầu của họ thực hiện. Hay nói một cách khác, việc giám sát bị can, bị cáo chưa thành niên vừa là quyền vừa là nghĩa vụ bắt buộc của cha mẹ, người đỡ đầu của họ. Quy định này khác hẳn quy định tại Điều 75 Bộ luật tố tụng hình sự về biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đối với bị can, bị cáo chưa thành niên, thủ tục bảo lãnh chỉ được đặt ra đối với bị can, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng và phải có cá nhân, tổ chức nhận bảo lãnh. Việc cá nhân, tổ chức nhận bảo lãnh là do họ hoàn toàn tự nguyện, các cơ quan tiến hành tố tụng không thể bắt buộc họ được.

2.5. Việc điều tra, truy tố và xét xử những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên

Thủ tục về những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên là thủ tục đặc biệt được quy định tại Chương XXXII, Phần thứ bảy Bộ luật tố tụng hình sự. Những thủ tục này gồm: Điều tra, truy tố, xét xử; bắt, tạm giữ, tạm giam; giám sát bị can, bị cáo; bào chữa; việc tham gia tố tụng của gia đình, nhà trường và tổ chức xã hội; xét xử; chấp hành án phạt tù; chấm dứt việc chấp hành biện pháp tư pháp và giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án trong lĩnh vực tập lý, các nhà giáo có nhiều kinh nghiệm để xác định mức độ phát triển năng

lực nhận thức của người chưa thành niên. Cần làm rõ những đặc điểm về tính cách của người chưa thành niên, tình trạng sức khỏe, thói quan, mức độ phát triển về nhận thức, năng khiếu, những vấn đề mà đưa trẻ quan tâm... Những tài liệu này có ý nghĩa đối với việc đánh giá chứng cứ và quy mức độ, tính chất trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo. Để làm rõ điều kiện sinh sống và giáo dục cần chú ý thu thập những tài liệu như: điều kiện sống, nghề nghiệp, trình độ, nơi làm việc, lối sống đạo đức, quan hệ xã hội của bố mẹ cũng như trách nhiệm của họ đối với con cái.

Mặt khác, cần phải tìm hiểu kỹ thái độ và kết quả học tập, lao động của người chưa thành niên, đạo đức, lối sống, quan hệ bạn bè, sự tham gia vào các tổ chức, tập thể... của người đó; trước khi phạm tội người chưa thành niên đó có chỗ ở hay không; nguồn gốc phát sinh những quan niệm, thói hư tật xấu và động cơ, mục đích phạm tội; có sự xúi giục lôi kéo của người thành niên, bạn bè hay không để có những quyết định đúng đắn. Nhất là trong trường hợp có sự xúi giục, lôi kéo của người chưa thành niên thì phải xử lý nghiêm khắc người đó để phòng ngừa việc phạm tội của người chưa thành niên. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định rõ việc mà các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải xác định khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử là "có hay không có người thành niên xúi giục" thay vì quy định trước đây của Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 là "có hay không người lớn xúi giục" để tránh hiểu khác nhau dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất (điểm c khoản 2 Điều 302).

3. Những vấn đề về người tiến hành tố tụng trong vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên

Xuất phát từ những đặc điểm tâm sinh lý, trình độ, khả năng nhận thức của người chưa thành niên, Bộ luật tố tụng hình sự của Việt Nam có những quy định đặc biệt để áp dụng riêng đối với những trường hợp mà người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên. Bộ luật tố tụng hình sự đã dành toàn bộ Chương XXXII để quy định về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên trên cơ sở kế thừa những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự được Quốc hội thông qua ngày 29-6-1988, đồng thời có một số bổ sung, sửa đổi để hoàn thiện hơn các quy định về thủ tục tố tụng áp dụng trong trường hợp người phạm tội là người chưa thành niên. Theo đó, khoản 1 Điều 302 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định "...Thẩm phán tiến hành tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội phải là những người có hiểu biết cần thiết về tâm lý học và khoa học giáo dục

cũng như về hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm của người chưa thành niên".

Đối với Hội thẩm nhân dân, khi tham gia xét xử những vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên, luật không quy định phải có những điều kiện nêu trên, nhưng trong Hội đồng xét xử phải có một Hội thẩm nhân dân là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Những tiêu chí này là những điều kiện cần thiết để Thẩm phán, Hội thẩm có thể hiểu và có những phương pháp phù hợp khi tiến hành hoạt động xét xử, bảo đảm nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 69 Bộ luật hình sự "việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội".

Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam chưa có văn bản pháp luật nào quy định về đội ngũ những người tiến hành tố tụng chuyên trách trong những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên, điều đó cho thấy, hiện nay những người tiến hành tố tụng đang phải kiêm nhiệm giải quyết cả các vụ án do người thành niên thực hiện nên việc bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về lĩnh vực tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người chưa thành niên cho những người tiến hành tố tụng là cần thiết.

Khoản 1 Điều 302 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về yêu cầu đối với người tiến hành tố tụng phải có những hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của người chưa thành niên, nhưng thực tế đang có nhiều bất cập về số lượng, về kiến thức của những người tiến hành tố tụng với những diễn biến phức tạp của tội phạm trong những người chưa thành niên; vì vậy, cần mở các lớp đào tạo đối với những người được giao nhiệm vụ tiến hành tố tụng trong các vụ án người chưa thành niên phạm tội, trang bị cho họ những kiến thức cần thiết về tầm quan trọng của việc bảo vệ, giáo dục, chăm sóc trẻ em, những kiến thức pháp luật quy định đối với những người chưa thành niên phạm tội, đào tạo cho họ kỹ năng xét hỏi những người chưa thành niên khi họ phạm tội. Cần có chính sách cụ thể đối với những người tiến hành xét xử những người chưa thành niên phạm tội. Cần nghiên cứu để thành lập các bộ phận chuyên trách trong cơ quan xét xử các vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên.

Trước mắt, khi chưa có điều kiện thành lập bộ phận này thì cần phải cử những người tiến hành tố tụng có nhiều kiến thức và kinh nghiệm giải quyết loại án liên quan đến người chưa thành niên phạm tội. Song song với đó là cần phải có sự tham gia của các chuyên gia tư vấn để giúp đỡ về mặt pháp lý cho người chưa thành niên phạm tội, nhất là trong điều kiện hiện nay khi luật về trợ giúp pháp lý đã được Quốc hội thông qua. Yêu cầu đặt ra khi tiến hành xét xử (khoản 2 Điều 302) là cần phải xác định rõ: Tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người chưa thành niên; điều kiện sinh sống và giáo dục; nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Đây là một yêu cầu rất không dễ thực hiện vì với thời hạn tố tụng không nhiều, điều kiện hiện có về cơ sở vật chất, các phương tiện làm việc và nhất là vấn đề con người của các cơ quan Tòa án thì khó có thể thực hiện được quy định này, đặc biệt là đối với người chưa thành niên phạm tội là những trẻ lang thang, không có địa chỉ cư trú rõ ràng.

4. Vấn đề tham gia của người bào chữa và đại diện gia đình, nhà trường và tổ chức xã hội

4.1. Việc tham gia tố tụng của người bào chữa

Trong những vụ án mà người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên thì việc tham gia tố tụng của người bào chữa là bắt buộc. Tuy nhiên, cần lưu ý là đối với những trường hợp khi phạm tội, người phạm tội là người chưa thành niên nhưng khi khởi tố, truy tố, xét xử họ đã đủ 18 tuổi thì không bắt buộc phải có sự tham gia của người bào chữa. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Bộ luật tố tụng hình sự thì người bào chữa có thể là luật sư, người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc bào chữa viên nhân dân. Việc tham gia tố tụng của người bào chữa có thể theo yêu cầu của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ hoặc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Trong trường hợp người bào chữa tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng thì người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và người đại diện hợp pháp của họ vẫn có quyền yêu cầu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về việc xác định những trường hợp cụ thể nào có thể tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho bị cáo là người chưa thành niên, chúng tôi thấy rằng: Thứ nhất, theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Pháp lệnh Luật sư được ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 25-7-2001 và có hiệu lực kể từ ngày

01-10-2001 thì "Công ty luật hợp danh... không được thực hiện dịch vụ pháp lý trong lĩnh vực tố tụng". Như vậy, theo quy định này thì có thể hiểu các luật sư là thành viên của công ty luật hợp danh không được tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa nói chung và là người bào chữa cho người chưa thành niên phạm tội nói riêng. Ngày 29-6-2006, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua Luật luật sư (Luật này có hiệu lực từ ngày 01-1-2007) thay thế Pháp lệnh luật sư năm 2001.

Theo tinh thần quy định của Luật này thì người có đủ tiêu chuẩn để trở thành luật sư, đã được cấp chứng chỉ hành nghề luật sư và đã gia nhập một đoàn luật sư đều có thể hành nghề luật sư trong các lĩnh vực mà luật sư hoặc tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đó là thành viên đã đăng ký. Như vậy, việc luật sư nào có thể tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa không phụ thuộc vào việc họ hành nghề trong công ty luật hợp danh, văn phòng luật sư hay hành nghề với tư cách cá nhân. Chúng tôi cho rằng, việc sửa đổi này là hợp lý; tuy nhiên, trong khi Luật luật sư chưa có hiệu lực thi hành thì việc xác định luật sư nào có thể tham gia tố tụng để bào chữa cho người chưa thành niên phạm tội cần tuân thủ quy định tại Điều 19 Pháp lệnh luật sư năm 2001 nêu trên.

Thứ hai, theo quy định tại khoản 3 Điều 139 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì "quan hệ đại diện được xác lập theo pháp luật hoặc theo ủy quyền"; điều này có thể hiểu là "người đại diện hợp pháp" là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 139 của Bộ luật dân sự này thì "... cá nhân không được để người khác đại diện cho mình nếu pháp luật quy định họ phải tự mình xác lập, thực hiện giao dịch đó". Như vậy, trong tố tụng hình sự không có người đại diện theo ủy quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo chỉ có người đại diện của những người này theo pháp luật. Việc xác định trường hợp nào là đại diện theo pháp luật của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 141 của Bộ luật dân sự; cụ thể họ có thể là cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên.

Thứ ba, về "bào chữa viên nhân dân", cho đến nay chưa có một văn bản nào chính thức quy định hoặc giải thích về những tiêu chuẩn của người được công nhận là "bào chữa viên nhân dân". Chúng tôi cho rằng, để bảo đảm cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị truy cứu trách nhiệm hình sự nói chung và người chưa thành niên phạm tội nói riêng thì bào chữa viên nhân

dân cũng phải đáp ứng được những tiêu chuẩn nhất định. Hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đang phối hợp với các cơ quan có liên quan soạn thảo thông tư liên tịch hướng dẫn về vấn đề này. Về những tiêu chuẩn để có thể được công nhận là bào chữa viên nhân dân, chúng tôi đề nghị cân nhắc và thể hiện trong dự thảo thông tư liên tịch một số tiêu chuẩn sau đây:

- Là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Là thành viên của một tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- Trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực;
- Có kiến thức pháp lý;
- Có sức khỏe để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ;
- Không thuộc một trong các trường hợp không được bào chữa quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 56 của Bộ luật tố tụng hình sự.

4.2. Việc tham gia tố tụng của đại diện gia đình, nhà trường, tổ chức.

Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội đòi hỏi phải được tiến hành thận trọng nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực đến tương lai của họ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 306 của Bộ luật tố tụng hình sự, thì trong trường hợp người phạm tội là người chưa thành niên, việc tham gia tố tụng của đại diện của gia đình người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; thầy giáo, cô giáo, đại diện nhà trường, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức khác nơi người bị tạm giữ, bị can, bị cáo học tập, lao động và sinh sống vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ theo quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Cho đến nay, mặc dù chưa có văn bản giải thích chính thức "đại diện gia đình" của người chưa thành niên phạm tội là ai; tuy nhiên, chúng tôi cho rằng khái niệm "đại diện gia đình" trong điều luật này được hiểu rộng hơn khái niệm "người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên", không chỉ bao gồm cha, mẹ, người giám hộ của người chưa thành niên mà còn có thể là anh, chị, ông, bà, cô, dì, chú, bác hoặc những người thân thích khác của họ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 306 của Bộ luật tố tụng hình sự, thì: "Trong trường hợp người bị tạm giữ, bị can là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16

tuổi hoặc là ngư-ời chưa thành niên có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc trong những trường hợp cần thiết khác, việc lấy lời khai, hỏi cung những người này phải có mặt đại diện của gia đình, trừ trường hợp đại diện gia đình cố ý vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Đại diện gia đình có thể hỏi người bị tạm giữ, bị can nếu được Điều tra viên đồng ý; được đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu, khiếu nại; đọc hồ sơ vụ án khi kết thúc điều tra". So sánh với quy định tại khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988, khoản 2 Điều 306 của Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành đã có sự bổ sung, quy định cụ thể hai trường hợp bắt buộc phải có mặt đại diện gia đình của người bị tạm giữ, bị can đó là: trường hợp người bị tạm giữ, bị can là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và trường hợp người bị tạm giữ, bị can là người chưa thành niên có nhược điểm về tâm thần. Đối với hai trường hợp này, nếu Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tiến hành lấy lời khai của người bị tạm giữ, bị can mà không có mặt đại diện gia đình của họ thì có thể bị coi là đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, ngoài hai trường hợp nêu trên, việc xác định trường hợp nào là "trường hợp cần thiết khác" phụ thuộc vào đánh giá của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát.



TTBD ĐBDC

